CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN & XNK CÔN ĐẢO

ỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng tàu, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Kính gửi **: Hội đồng Quản Trị**

TRÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Báo cáo tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán

Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
A/ Tài Sản (I + II)	**158,466,715,640**	-
I. Tài sản ngắn hạn	**114,415,422,895**	
1/ Tiền & các khoản tương đương tiền	8,120,243,806	
Trong đó		
- Tiền mặt tồn quỹ	*5,205,452,945*	
- Tiền gửi Ngân hàng	*2,914,790,861*	
2/Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (gửi tiết kiệm)	24,500,000,000	
3/ Các khoản phải thu ngắn hạn	35,425,567,494	
4/ Hàng tồn kho	41,281,824,766	
Trong đó		
- Nguyên vật liệu	*15,376,804,343*	
- Công cụ dụng cụ	*2,171,756,388*	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dỡ dang	*120,828,500*	
- Thành phẩm các loại	*21,693,572,844*	
- Hàng gửi bán	*1,936,262,691*	
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	*(17,400,000)*	
5/ Tài sản ngắn hạn khác	5,087,786,829	
Trong đó: Thuế GTGT được khấu trừ	*4,561,764,934*	
II. Tài sản dài hạn	**44,051,292,745**	
1/ Phải thu dài hạn khác	25,000,000	
2/ Tài sản cố định hữu hình	23,110,244,342	
Trong đó		
- Nguyên giá TSCĐ	90,456,646,763	
- Giá trị hao mòn	(67,346,402,421)	
3/ Tài sản cố định vô hình	389,718,711	
Trong đó		
- Nguyên giá TSCĐ	389,718,711	
- Giá trị hao mòn		
4/ Đầu tư tài chính dài hạn	20,058,000,000	
+ Cty CP Thương Cảng Vũng Tàu	*20,058,000,000*	*Chiếm tỷ lệ 55,72%*
+ Cty CP Thủy Sản Hùng Cường	*5,676,500,000*	*454.210 CP*
+ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	*(5,676,500,000)*	
5/ Tài sản dài hạn khác	468,329,692	
Trong đó: Chi phí trả trước dài hạn	*468,329,692*	
B/ NGUỒN VỐN (I + II)	**158,466,715,640**	
I. Nợ phải trả	**38,588,353,819**	
1/ Nợ ngắn hạn	38,588,353,819	
2/ Nợ dài hạn		

II. Vốn chủ sở hữu	**119,878,361,821**	
1/ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,086,200,000	
Trong đó		
- Vốn Nhà nước	*27,475,490,000*	Chiếm tỷ lệ 34,3%
- Vốn cổ đông	*52,610,710,000*	Chiếm tỷ lệ 65,7%
2/ Thặng dư vốn cổ phần	8,778,885,000	
3/ Quỹ đầu tư phát triển	8,294,671,639	
4/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22,718,605,182	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	*(2,364,974,104)*	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*25,083,579,286*	

C/ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024:

Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	468,772,589,590	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần về bán hàng & CCDV (1-2)	468,772,589,590	
4. Giá vốn hàng bán	412,179,870,249	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (3-4)	**56,592,719,341**	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	10,782,559,721	
Trong đó:		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	*1,180,448,554*	
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	*5,389,931,167*	
- Thu từ cổ tức được chia	*4,212,180,000*	
7. Chi phí tài chính	2,266,919,660	
Trong đó:		
- Tiền lãi vay	*621,019,487*	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	*1,645,900,173*	
8. Chi phí bán hàng	20,648,989,883	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,404,093,887	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (5+6-7-8-	**30,055,275,632**	
11. Thu nhập khác	9,181,818	
12. Chi phí khác	841,370,958	
13. Lợi nhuận khác (11- 12)	**(832,189,140)**	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (10+13)	29,223,086,492	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4,139,507,206	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (14-15)	**25,083,579,286**	

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

Trương Bách Thế